TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2020/HNGĐ - ST Ngày 30-9-2020 *V/v Tranh chấp Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Nhất.

2. Ông Lê Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Thôn Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Trạc L, sinh năm 1985.

ĐKHKTT: Thôn Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2019, bản tự khai ngày 25/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị S và anh Lê Trạc L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/8/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng kết hôn đã lâu mà chưa có con, anh L lại hay chơi bời không quan tâm, chăm lo gì đến gia đình nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Lê Trạc L.

- *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

- *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng chưa có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Lê Trạc L:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Trạc L. Anh L không có mặt ở nhà, nên bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh L nhận thay và cam kết báo ngay và giao lại cho anh L. Ngày 13/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa phối hợp cùng với thôn trưởng thôn Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đến tại nhà bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ của anh Lê Trạc L) ở thôn Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và làm việc với bà C. Bà cho biết gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của TAND huyện Nông Cống, bà đã báo lại với anh L nhưng do bận công việc nên anh không về được và trao đổi lại với bà: do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị S, về con chung: vợ chồng chưa có con chung. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh L chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị S được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị S và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Trạc L có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Phạm Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Trạc L vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Phạm Thị S và anh Lê Trạc L thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10/9/2020 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê Trạc L, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Lê Trạc L, tuy nhiên anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- Về hôn nhân: Anh Lê Trạc L và chị Phạm Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, Thanh Hóa ngày 31/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung và tài sản chung: vợ chồng chưa có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn của chị S thấy rằng:

Chị S và anh L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/8/2015, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng kết hôn đã lâu mà chưa có con nên tình cảm lạnh nhạt dẫn đến cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019, không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Trạc L. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung và tài sản chung: Anh L và chị S chưa có con chung và không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Lê Trạc L.

2. Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002105 ngày 18/12/2019. Chấp nhận chị S đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị S vắng mặt anh L. Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Vạn Thiện, Nông Cống;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Kỳ Anh